

HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ - YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nguyễn Ngọc Chí (*)

Trần Thu Hạnh(**)

Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII năm 1996, Đảng ta đã đề ra chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân và được khẳng định lại tại Đại hội đảng lần thứ IX năm 2001. Một trong những nội dung quan trọng của việc xây dựng nhà nước pháp quyền là đảm bảo quyền tự do và các quyền cơ bản khác của con người - đó là những giá trị cao quý nhất mà nhân loại hướng tới. Pháp luật hình sự nói chung và chế định trách nhiệm hình sự (TNHS) nói riêng là cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền con người, là công cụ quan trọng của “*nhà nước pháp quyền để đấu tranh chống tội phạm và xử lý nghiêm minh những người phạm tội, để tăng cường pháp chế và củng cố trật tự pháp luật*”[1, tr.10]. Với ý nghĩa quan trọng đó, bài viết này đề cập đến một vài khía cạnh lý luận và thực tiễn về trách nhiệm hình sự trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

1. Trách nhiệm hình sự

Khái niệm trách nhiệm được hiểu theo hai nghĩa: *Thứ nhất*, là bổn phận, là nghĩa vụ mà con người phải thực hiện; *Thứ hai*, là hậu quả pháp lý bất lợi phải gánh chịu do việc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Các sách pháp lý ở nước ta khi đề cập đến trách nhiệm pháp lý đều theo nghĩa truyền thống, tức trách nhiệm pháp lý gắn liền với vi phạm và là hậu quả pháp lý bất lợi đối với người có hành vi vi phạm[7, tr.33]; [9, tr.348]. TNHS cũng được xem xét với cách hiểu truyền thống. TNHS là một loại trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải chịu trước nhà nước do việc thực hiện hành vi phạm tội của mình. Nhà nước quy định TNHS để áp dụng đối với người phạm tội theo một thủ tục bắt buộc (thủ tục tố tụng hình sự), không phụ thuộc vào ý muốn của người phạm tội, cũng như ý muốn của người bị hại (trừ một số trường hợp cá biệt được quy định tại Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự).

TNHS được phát sinh từ khi có hành vi phạm tội và cũng từ thời điểm đó nhà nước có quyền yêu cầu người phạm tội phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

TNHS là một loại trách nhiệm pháp lý. Vì vậy nó có những đặc điểm của trách nhiệm pháp lý nói chung, đó là khi áp dụng những biện pháp trừng phạt của nhà nước

(*) TS, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

(**) ThS, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

đối với người phạm tội nhằm mục đích bảo vệ trật tự pháp luật, trật tự quản lý, giáo dục người vi phạm pháp luật và phòng ngừa vi phạm pháp luật. Xuất phát từ những vấn đề có tính nguyên tắc về sự loại trừ dần những biểu hiện chống đối trong xã hội – xã hội chủ nghĩa, nhiều tác giả đã xem mục đích của TNHS là loại trừ những vi phạm pháp luật. C.Mác đã chỉ ra rằng: Một hình phạt bất kỳ, không là gì khác mà là phương tiện tự vệ của xã hội chống lại những vi phạm đối với điều kiện tồn tại của chúng, bất luận đó là như thế nào. Trong nhà nước XHCN, TNHS là phương tiện bảo vệ những quan hệ xã hội trước hành vi chống đối pháp luật, nhằm ngăn chặn những việc phạm pháp, gây trở ngại cho trật tự xã hội, trật tự quản lý, giáo dục tính kỷ luật, trật tự và tinh thần tôn trọng pháp luật của mọi công dân để bảo vệ trật tự trong đời sống kinh tế, xã hội.

Việc giáo dục công dân tuân theo pháp luật, vấn đề phòng ngừa chung, phòng ngừa riêng đối với người phạm tội và đối với xã hội được coi là mục đích của trách nhiệm pháp lý nói chung và TNHS nói riêng. Mục đích đó được thể hiện ở nội dung, vị trí của TNHS trong hệ thống các phương tiện bảo vệ trật tự pháp luật ở nước ta.

Việc áp dụng các biện pháp TNHS là sự lên án mang tính nhà nước đối với hành vi có lỗi, không phải là mục đích tự thân của biện pháp TNHS. Nó chỉ là phương tiện giáo dục con người tinh thần tuân thủ pháp luật. Nhà nước ta, khi thực hiện cuộc đấu tranh chống tội phạm không xuất phát từ mục đích đàn áp mà nhằm khôi phục những giá trị đạo đức, tốt đẹp của cá nhân, tạo ra thói quen có ý thức và tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Sẽ là quá ít nếu chỉ cải tạo con người. Chúng ta phải giáo dục họ theo cách mới, tức là giáo dục để họ không đơn thuần gây những hành vi không nguy hiểm cho xã hội mà để họ trở thành người lao động tích cực cho thời đại mới. Như vậy, nội dung của TNHS bao gồm yếu tố giáo dục các thành viên trong xã hội. Mặt khác, các hình thức TNHS là phương tiện tác động tới ý thức của người có lỗi khi thực hiện tội phạm nhằm làm cho họ thấy rõ được tính sai trái của hành vi phạm tội, từ đó giúp họ cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Chính vì vậy, khi bàn về mục đích của hình phạt, đại đa số các nhà khoa học pháp lý nước ta đều cho rằng: "Trừng trị là nội dung, là thuộc tính, là phương thức để thực hiện hình phạt" và "mục đích của hình phạt là cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống XHCN"[2, tr.25].

TNHS có thể là hình phạt, cũng có thể là những biện pháp khác có tính chất cưỡng chế về hình sự được áp dụng nếu như được miễn TNHS hoặc miễn hình phạt, trong đó hình thức TNHS mang tính phổ biến mà nhà nước áp dụng cho người phạm tội là hình phạt. Trong trường hợp bị áp dụng hình phạt, TNHS do Toà án quyết định bằng một bản án có hiệu lực pháp luật trong đó ấn định loại và mức hình phạt đối với người phạm tội. Hình phạt mà toà án quyết định đối với người phạm tội là biện pháp để cụ thể hoá TNHS, tức là cụ thể hoá hậu quả pháp lý bất lợi áp dụng đối với người phạm tội. Trường hợp TNHS không gắn liền với quyết định hình phạt (miễn hình phạt) thì nội dung của TNHS chỉ được thể hiện ở bản án kết tội của Toà án có hiệu lực pháp luật,

nghĩa là chỉ thể hiện ở sự đánh giá có tính phủ định của nhà nước đối với hành vi phạm tội và người phạm tội thông qua bản án của Nhà nước mà không có hình phạt.

Luật hình sự nước ta quy định chế định miễn hình phạt độc lập với chế định miễn TNHS và như vậy miễn TNHS cũng là một biện pháp tác động của TNHS. Trong trường hợp này, việc miễn TNHS không chỉ do Toà án mà còn do các cơ quan tiến hành tố tụng khác quyết định như: Cơ quan điều tra, viện kiểm sát. Quyết định của các cơ quan này đều thể hiện sự đánh giá phủ định của nhà nước, của xã hội đối với hành vi phạm tội và người phạm tội.

Cơ sở phát sinh TNHS xuất hiện từ thời điểm có hành vi phạm tội, nhưng TNHS chỉ được thực hiện khi có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của toà án và kết thúc khi người phạm tội đã chấp hành xong hình phạt hoặc được miễn chấp hành hình phạt, hoặc do quyết định đại xá của Quốc hội hay quyết định đặc xá của Chủ tịch nước. Trong trường hợp TNHS là miễn TNHS, miễn hình phạt thì TNHS được thực hiện và cũng kết thúc ngay tại thời điểm kết tội của toà án bằng bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

TNHS có những đặc điểm khác với các trách nhiệm pháp lý khác. Trước hết, cơ sở của TNHS là hành vi phạm tội, còn cơ sở của trách nhiệm pháp lý khác là các vi phạm: hành chính, dân sự, kỷ luật.v.v... Trong số các trách nhiệm pháp lý thì trách nhiệm hành chính là trách nhiệm gần gũi hơn với TNHS. Giữa hai loại trách nhiệm này có nhiều dấu hiệu chung, thậm chí một số người đã coi chúng như hai dạng của một khái niệm thống nhất. Chúng đều là những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đối với người vi phạm và những người này không ở trong cùng quan hệ công vụ với nhà chức trách hoặc các cơ quan ấn định các hình thức trách nhiệm. Tức là các hình thức cưỡng chế của nhà nước đối với bên ngoài, chứ không như trách nhiệm kỷ luật là hình thức cưỡng chế trong một cơ quan, tổ chức nhất định. Ngoài ra, TNHS và trách nhiệm hành chính còn có mục đích và khuynh hướng chung. Nhưng cũng "*cần lưu ý rằng luật hành chính quy định một khối lượng lớn các quy tắc quản lý nhà nước có tính bắt buộc chung mà nếu vi phạm có thể phải chịu TNHS*". Trong trường hợp này "*thì căn cứ để phân biệt hành vi đó là tội phạm hay vi phạm hành chính là mức độ nguy hiểm của hành vi*" [8, tr.350].

Đặc điểm thứ hai là TNHS được áp dụng đối với người vi phạm pháp luật hình sự hay nói cách khác là cá nhân người phạm tội, còn trách nhiệm hành chính, dân sự... được áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức có vi phạm hành chính, vi phạm dân sự.v.v... Luật hình sự Việt Nam quy định chủ thể của tội phạm chỉ là cá nhân chứ không thể là pháp nhân. Chính vì vậy, nó cũng là điểm khác biệt với các loại trách nhiệm khác.

Việc áp dụng các biện pháp tác động của TNHS được thực hiện thông qua trình tự và thủ tục tố tụng chặt chẽ bởi toà án và các cơ quan tiến hành tố tụng khác - hay còn gọi là thủ tục toà án. Còn trách nhiệm hành chính được áp dụng chủ yếu bởi các cơ quan quản lý nhà nước, người có thẩm quyền theo thủ tục hành chính, tức là không áp dụng trình tự xét xử của toà án.

Một đặc điểm nữa của TNHS là, khi người phạm tội bị tác động bằng hình phạt hoặc miễn hình phạt thì đều bị mang án tích và ghi vào lý lịch tư pháp. Hậu quả pháp lý của nó nếu chưa được xoá án mà phạm tội thì bị coi là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Đặc điểm này thể hiện tính nghiêm khắc của TNHS so với các loại trách nhiệm pháp lý khác.

Từ sự phân tích trên, có thể xác định TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý và là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc họ đã thực hiện hành vi phạm tội và được thể hiện bằng bản án, quyết định của toà án hoặc cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền, có hiệu lực pháp luật.

TNHS được Nhà nước quy định là công cụ trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, hướng các chủ thể có hành vi xử sự đúng theo các yêu cầu đòi hỏi khách quan của sự phát triển xã hội thể hiện trong các quy định của pháp luật. “*Xét cho cùng trách nhiệm pháp lý nhằm bảo vệ và củng cố trật tự pháp luật XHCN*”[6, tr.308].

2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự

Cơ sở làm phát sinh trách nhiệm hình sự khi ở thời điểm có tội phạm xảy ra. Một người chỉ phải chịu TNHS khi thực hiện hành vi phạm tội được qui định trong BLHS. Sở dĩ hành vi của họ phải chịu TNHS trước Nhà nước, vì họ đã có điều kiện tự do lựa chọn khi hành động phạm tội. Nói cách khác họ đã có lỗi khi chọn hành động đi ngược lại lợi ích của xã hội. Chính vì vậy, luật hình sự nước ta chỉ truy cứu TNHS trên cơ sở người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi họ có lỗi và cũng dựa vào khả năng, mức độ tự do ý chí khi phạm tội mà phân chia thành lỗi cố ý, vô ý, xác định được mức độ phải chịu TNHS của từng trường hợp phạm tội.

TNHS thể hiện sự phản ứng có tính chất phủ định của nhà nước đối với hành vi phạm tội và người phạm tội. Một hành vi chỉ bị coi là tội phạm khi có đủ các dấu hiệu được quy định trong luật hình sự. Hệ thống các dấu hiệu cần và đủ, đặc trưng điển hình phản ánh bản chất của từng tội phạm cụ thể trong khoa học pháp lý hình sự gọi là cấu thành tội phạm.

Như vậy, cấu thành tội phạm không phải là khái niệm của pháp luật thực định mà là của khoa học pháp lý hình sự, là khuôn mẫu pháp lý phản ánh những dấu hiệu khách quan, chủ quan của tội phạm và được quy định trong đạo luật hình sự. Để xác định TNHS đối với một người phải xác định được sự phù hợp giữa hành vi thực tế của người đó với khuôn mẫu pháp lý của tội phạm (cấu thành tội phạm) đã được quy định trước trong đạo luật hình sự. Chính vì vậy, “*quan điểm cho rằng cấu thành tội phạm là cơ sở của TNHS*”[3, tr.67] sẽ là không chính xác. Là khuôn mẫu pháp lý, là khái niệm chủ quan, tự mình cấu thành tội phạm không thể là cơ sở phát sinh TNHS... TNHS chỉ phát sinh khi tội phạm được thực hiện [5, tr182-183].

Như vậy, cơ sở của TNHS có hai nội dung, thứ nhất là cơ sở pháp lý tức là tổng hợp các dấu hiệu cần và đủ được coi là khuôn mẫu pháp lý của một tội phạm được quy định trong luật (mà trong khoa học gọi là cấu thành tội phạm cụ thể) và thứ hai là cơ sở

thực tế, hành vi của một người thoả mãn các dấu hiệu được quy định trong đạo luật hình sự. Những nội dung này được quy định tại Điều 2 BLHS và nó cũng loại bỏ việc áp dụng pháp luật hình sự theo nguyên tắc tương tự trước khi BLHS ra đời.

Các dấu hiệu pháp lý của từng cấu thành tội phạm với tính cách là khuôn mẫu pháp lý của từng tội phạm được quy định ở cả phần chung và phần các tội phạm của BLHS. Quan điểm cho rằng cấu thành tội phạm của một loại tội chỉ được quy định trong phần các tội phạm của BLHS. Theo chúng tôi, hiểu như vậy về cấu thành tội phạm là chưa đầy đủ. Bởi vì, cấu thành tội phạm là tổng hợp những dấu hiệu cần và đủ được quy định trong đạo luật hình sự, đặc trưng cho một loại tội phạm cụ thể nhưng không có nghĩa là các dấu hiệu này chỉ được quy định ở phần các tội phạm, mà còn được quy định ở Phần chung BLHS. Do tính đa dạng phức tạp của các trường hợp phạm tội của một loại tội nên nhà làm luật quy định ở phần các tội phạm những dấu hiệu của trường hợp phạm tội do một người trực tiếp thực hiện và ở giai đoạn hoàn thành, còn trường hợp phạm tội chưa đạt, chuẩn bị phạm tội nghiêm trọng hoặc hành vi của những người đồng phạm khác được quy định tại các điều khoản của Phần chung BLHS (Điều 17- Chuẩn bị phạm tội; Điều 18- Phạm tội chưa đạt; Điều 20- Đồng phạm). Trong ý luận và thực tiễn xét xử từ trước tới nay đều hiểu và làm như vậy. Ở các bản án của tòa án, khi xét xử vụ án đồng phạm thì tòa án bao giờ cũng viện dẫn điều luật quy định về tội phạm (phần các tội phạm) và Điều 20 BLHS (Phần chung nói về đồng phạm). Tương tự như vậy, khi giải quyết các vấn đề năng lực TNHS, thời hiệu truy cứu chịu TNHS... của từng trường hợp phạm tội cụ thể đều phải căn cứ vào các quy định ở Phần chung.

Tội phạm, theo nghĩa hình sự đó là hành vi có đủ những yếu tố hợp thành tội phạm do đạo luật hình sự quy định. Những yếu tố đó là thể thống nhất giữa các dấu hiệu khách quan và chủ quan của tội phạm. Trên phương diện lý luận người ta có thể phân chia tội phạm ra những bộ phận cấu thành và nghiên cứu chúng. Các bộ phận cấu thành tội phạm được gọi là các yếu tố cấu thành tội phạm. Các yếu tố cấu thành tội phạm bao gồm khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm. Các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được phân chia thành các dấu hiệu bắt buộc, không bắt buộc và được mô tả trong luật hình sự tương khác nhau, nhưng chúng đều thuộc về các yếu tố nói trên của cấu thành tội phạm.

Trong khoa học pháp lý hình sự đã và vẫn đang còn những ý kiến khác nhau về vị trí của các yếu tố cấu thành tội phạm, song cần *"phải khẳng định rằng, cơ sở TNHS là sự hiện diện của tất cả những dấu hiệu do luật định về tội phạm chứ không thể thiếu một yếu tố nào"* [4, tr.43].

1. Những vấn đề đặt ra của việc hoàn thiện chế định TNHS trong giai đoạn hiện nay

Như trên chúng ta đã khẳng định cấu thành tội phạm, bản thân nó không phải là cơ sở của TNHS. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chúng và làm sáng tỏ các yếu tố của nó về

mặt lý luận, cũng như thực tiễn là một việc cần thiết để các cơ quan lập pháp có thể xây dựng được những khuôn mẫu pháp lý của các tội phạm một cách khoa học và phản ánh nó vào trong luật. Mặt khác, các chủ thể áp dụng pháp luật cũng cần nhận thức nó một cách đúng đắn về phương diện vật chất và luật thủ tục để có thể truy cứu TNHS đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là chúng ta phải tiếp tục hoàn thiện Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự để làm cơ sở pháp lý cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này càng có ý nghĩa hơn trong điều kiện chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN mà ở đó có sự hiện diện của một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, sự tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật và bảo vệ các quyền của con người bằng pháp luật.

Bộ luật Hình sự năm 1999 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực ngày 1-7-2000 đã phản ánh quy luật vận động của tình hình tội phạm trong nền kinh tế thị trường, đồng thời thể hiện quan điểm và chính sách hình sự của Đảng ta trong công cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành Bộ luật chúng ta thấy một số vấn đề quan trọng liên quan đến trách nhiệm hình sự chưa được các cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể nên đã gây khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật, vi phạm đến quyền tự do, các quyền và lợi ích hợp pháp của con người. Vì vậy, tiếp tục cần khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn các quy định của Bộ luật hình sự làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan áp dụng pháp luật và toàn xã hội trong việc xử lý tội phạm. Bên cạnh đó, cần có sự đánh giá về quá trình áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 từ khi có hiệu lực đến nay một cách khoa học làm cơ sở cho việc tiếp tục hoàn thiện Bộ luật Hình sự theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân.

Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi năm 2001, Bộ luật Hình sự năm 1999 và các văn bản khác có liên quan cần khẩn trương ban hành Bộ luật Tố tụng Hình sự mới cho phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội, tình hình đấu tranh phòng và chống tội phạm trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền. Việc sửa đổi BLTTHS theo hướng xác định mục đích của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án hình sự phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo nguyên tắc tập trung quyền lực, có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, giữ vững bản chất Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN, tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đảm bảo phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, đặc biệt các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội tham nhũng và các loại tội có tổ chức. Bộ luật TTHS mới phải dựa được tư tưởng và tinh hoa của Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân vào các quy định về các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các quy định về biện pháp ngăn chặn biện pháp thu thập chứng cứ, quyền và trách nhiệm của người phạm tội, người thân gia tố tụng và các quy định khác của Bộ luật TTHS.

Chế định TNHS chỉ hoàn thiện khi các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật TTHS được hoàn thiện và mới là cơ sở quan trọng của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Cẩm, *Hoàn thiện pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1999.
2. *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. Kiều Đình Thu, *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*. NXB thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM, 1998.
4. Đào Trí Úc, *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
5. Đào Trí Úc, *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
6. Đào Trí Úc, *Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, H., 1997.
7. Đào Trí Úc, *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, NXB Khoa học xã hội Hà Nội, 1997.
8. Nguyễn Cửu Việt, *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 1997.
9. Nguyễn Cửu Việt, *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 1997.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS – LAW, T.XVIII, N_o2, 2002

PERFECTING THE INSTITUTION OF CRIMINAL RESPONSIBILITY — ONE
OF THE MOST IMPORTANT FACTOR FOR BUILDING A RULE OF
LAW STATE OF VIETNAM

Dr. Nguyen Ngoc Chi
LLM Tran Thu Hanh

Faculty of Law - Vietnam National University, Hanoi

One of the important issues for building a Rule of Law State is to ensure the liberties and other basic human rights, that is the most noble value that mankind come to. Criminal Law in general and the institution of criminal responsibility in particular are legal bases to protect human rights, and an important means for a Rule of Law State to struggle against crimes and dispose strictly and clearly to offenders, to enhance legal rules and consolidate legal orders. With those important meanings in mind, the paper is concerned with some theoretical and practical aspects on criminal responsibility in building Vietnam into a Rule of law State by making clear the content of the basis of criminal responsibility and the practical issues of perfecting the institution of criminal responsibility in the current stage.